

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 04/2015/TT-NHNN

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2015

**THÔNG TƯ
Quy định về quỹ tín dụng nhân dân**

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Hợp tác xã số 23/2012/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 156/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư quy định về quỹ tín dụng nhân dân.

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định về việc cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, địa bàn hoạt động, quản trị, điều hành, kiểm soát, vốn điều lệ, vốn góp, chuyển nhượng vốn góp, hoàn trả vốn góp, thành viên, đại hội thành viên, hoạt động và quyền hạn, nghĩa vụ của quỹ tín dụng nhân dân.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quỹ tín dụng nhân dân.
2. Tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thành lập, cấp Giấy phép thành lập và hoạt động quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức và hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Giấy phép* là Giấy phép thành lập và hoạt động quỹ tín dụng nhân dân. Văn bản của Ngân hàng Nhà nước về sửa đổi, bổ sung Giấy phép là một bộ phận không tách rời của Giấy phép.

2. *Thành viên quỹ tín dụng nhân dân* là cá nhân, hộ gia đình, pháp nhân có đủ điều kiện theo quy định tại Thông tư này và tán thành Điều lệ, tự nguyện tham gia góp vốn thành lập quỹ tín dụng nhân dân.

3. *Hội nghị thành lập* là hội nghị của các thành viên tham gia góp vốn (cá nhân, người đại diện của hộ gia đình, pháp nhân), có nhiệm vụ:

a) Thông qua: Dự thảo Điều lệ quỹ tín dụng nhân dân; Đề án thành lập quỹ tín dụng nhân dân; Danh sách dự kiến bầu, bổ nhiệm làm Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản trị, Trưởng ban và các thành viên khác của Ban kiểm soát (hoặc kiểm soát viên chuyên trách), Giám đốc của quỹ tín dụng nhân dân nhiệm kỳ đầu tiên;

b) Bầu Ban trụ bị, Trưởng Ban trụ bị từ những thành viên tham gia góp vốn là những người trong Danh sách dự kiến bầu, bổ nhiệm làm Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản trị, Trưởng ban và các thành viên khác của Ban kiểm soát (hoặc kiểm soát viên chuyên trách), Giám đốc của quỹ tín dụng nhân dân nhiệm kỳ đầu tiên và một số thành viên khác để thay mặt các thành viên góp vốn triển khai các công việc liên quan đến chấp thuận nguyên tắc việc thành lập quỹ tín dụng nhân dân và sửa đổi, bổ sung hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép trong trường hợp Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có yêu cầu;

c) Quyết định các vấn đề khác liên quan đến việc thành lập quỹ tín dụng nhân dân.

4. *Ngân hàng nhà nước chi nhánh* là Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi quỹ tín dụng nhân dân đặt trụ sở chính.

5. *Đại hội thành lập* là đại hội của tất cả các thành viên tham gia góp vốn thành lập quỹ tín dụng nhân dân được tổ chức sau khi được Ngân hàng Nhà nước chi nhánh chấp thuận nguyên tắc việc thành lập, có nhiệm vụ:

a) Thông qua Điều lệ của quỹ tín dụng nhân dân;

b) Bầu Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản trị, Trưởng ban và các thành viên khác của Ban kiểm soát (hoặc kiểm soát viên chuyên trách) nhiệm kỳ đầu tiên theo danh sách nhân sự dự kiến đã được Ngân hàng Nhà nước chi nhánh chấp thuận;

c) Thông qua các quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát quỹ tín dụng nhân dân;

d) Quyết định các vấn đề khác liên quan đến việc thành lập quỹ tín dụng nhân dân.

6. *Vốn góp xác lập tư cách thành viên* là số vốn góp tối thiểu để xác lập tư cách thành viên khi tham gia quỹ tín dụng nhân dân.

7. *Vốn góp thường niên* là số vốn hàng năm mà thành viên phải góp để duy trì tư cách thành viên.

Điều 4. Thẩm quyền cấp Giấy phép

Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh xem xét, cấp Giấy phép đối với quỹ tín dụng nhân dân có trụ sở chính trên địa bàn.

Điều 5. Thời hạn hoạt động

Thời hạn hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân tối đa là 50 năm. Thời hạn hoạt động cụ thể do Ban trụ bị thành lập quỹ tín dụng nhân dân đề nghị và được ghi trong Giấy phép.

Điều 6. Tính chất và mục tiêu hoạt động

Quỹ tín dụng nhân dân hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, tự chủ, tự chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động, nhằm mục tiêu chủ yếu là tương trợ giữa các thành viên thực hiện có hiệu quả các hoạt động sản xuất, kinh doanh dịch vụ và cải thiện đời sống.

Điều 7. Tên của quỹ tín dụng nhân dân

1. Tên quỹ tín dụng nhân dân phải được viết bằng tiếng Việt, có thể kèm theo chữ số, ký hiệu, phải phát âm được và có ít nhất hai thành tố theo thứ tự sau đây:

- a) Quỹ tín dụng nhân dân;
- b) Tên riêng phải được đặt phù hợp với quy định của pháp luật và phải được Hội nghị thành lập (đối với quỹ tín dụng nhân dân thành lập mới) hoặc Đại hội thành viên (đối với quỹ tín dụng nhân dân đang hoạt động) quyết định.

2. Tên quỹ tín dụng nhân dân phải được viết hoặc gắn tại trụ sở chính, in hoặc viết trên các giấy tờ giao dịch, hồ sơ, tài liệu của quỹ tín dụng nhân dân phát hành.

Điều 8. Địa bàn hoạt động

1. Quỹ tín dụng nhân dân hoạt động trong địa bàn một xã, một phường, một thị trấn (sau đây gọi chung là xã).

2. Địa bàn hoạt động liên xã của quỹ tín dụng nhân dân phải là các xã liền kề với xã nơi quỹ tín dụng nhân dân đặt trụ sở chính thuộc phạm vi trong cùng một quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh.

3. Quỹ tín dụng nhân dân có thể được xem xét chấp thuận hoạt động trên địa bàn liên xã theo quy định tại khoản 2 Điều này nếu đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

- a) Có tối thiểu 300 thành viên tại thời điểm đề nghị;
- b) Có vốn điều lệ tối thiểu gấp 05 lần mức vốn pháp định tại thời điểm đề nghị;
- c) Kinh doanh có lãi trong 02 năm liên tiếp trước năm đề nghị;
- d) Có cơ cấu tổ chức, bộ máy quản trị, điều hành, kiểm toán nội bộ, hệ thống kiểm soát nội bộ theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng và Thông tư này;
- đ) Không vi phạm quy định về các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân theo quy định của Ngân hàng Nhà nước trong 12 tháng liên tiếp trước thời điểm đề nghị;

e) Thực hiện phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro theo đúng quy định của Ngân hàng Nhà nước trong năm trước thời điểm đề nghị;

g) Có tỷ lệ nợ xấu dưới 3% trong 02 năm liên tiếp trước năm đề nghị;

h) Có tài liệu chứng minh khả năng liên kết cộng đồng tại địa bàn xã liên kết trên cơ sở có sự liên kết về chung lợi ích cộng đồng, điều kiện địa lý, văn hóa, tập quán địa phương, vùng, miền, ngành nghề, các đặc thù khác trên địa bàn;

i) Không thuộc diện quỹ tín dụng nhân dân yếu kém phải thực hiện cơ cấu lại theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước;

k) Tổng mức nhận tiền gửi từ thành viên của quỹ tín dụng nhân dân tối thiểu bằng 60% tổng mức nhận tiền gửi của quỹ tín dụng nhân dân trong 02 năm liên tiếp trước năm đề nghị.

4. Đối với quỹ tín dụng nhân dân có phương án tái cơ cấu đã được Ngân hàng Nhà nước chi nhánh phê duyệt, địa bàn hoạt động thực hiện theo phương án đã được phê duyệt.

5. Trình tự, hồ sơ chấp thuận hoạt động trên địa bàn liên xã của quỹ tín dụng nhân dân thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về những thay đổi phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.

Điều 9. Nguyên tắc lập hồ sơ

1. Các văn bản tại hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép phải do Trưởng Ban trụ bị ký, trừ trường hợp Thông tư này có quy định khác. Các văn bản do Trưởng Ban trụ bị ký phải có tiêu đề “Ban trụ bị thành lập và tên của quỹ tín dụng nhân dân”.

2. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép quỹ tín dụng nhân dân được lập 01 (một) bộ bằng tiếng Việt.

3. Bản sao giấy tờ, văn bằng phải được chứng thực theo quy định của pháp luật.

Trường hợp giấy tờ trong hồ sơ là bản sao mà không phải là bản sao được chứng thực, bản sao được cấp từ sổ gốc thì khi nộp hồ sơ phải xuất trình bản chính để đối chiếu. Người đối chiếu phải ký xác nhận vào bản sao và chịu trách nhiệm về tính chính xác của bản sao so với bản chính.

4. Trong mỗi bộ hồ sơ phải có danh mục tài liệu trong bộ hồ sơ.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1 CẤP GIẤY PHÉP

Điều 10. Điều kiện để được cấp Giấy phép

1. Có vốn điều lệ tối thiểu bằng mức vốn pháp định theo quy định của Chính phủ tại thời điểm đề nghị cấp Giấy phép.

2. Có tối thiểu 30 thành viên đáp ứng quy định tại Điều 31 Thông tư này, có đủ năng lực tài chính để tham gia góp vốn thành lập quỹ tín dụng nhân dân.

3. Người quản lý, thành viên Ban kiểm soát đáp ứng đủ các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại các Điều 20, Điều 23 và Điều 24 Thông tư này.

4. Cơ cấu tổ chức của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát phù hợp với quy định của Luật các tổ chức tín dụng và Thông tư này.

5. Có Điều lệ phù hợp với quy định tại Luật các tổ chức tín dụng, Luật Hợp tác xã và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

6. Có Đề án thành lập, phương án kinh doanh khả thi trong 03 năm đầu hoạt động.

Điều 11. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép

1. Đơn đề nghị cấp Giấy phép do Trưởng Ban trụ bị ký theo mẫu tại Phụ lục số 01 Thông tư này.

2. Dự thảo Điều lệ quỹ tín dụng nhân dân được Hội nghị thành lập thông qua.

3. Đề án thành lập quỹ tín dụng nhân dân được Hội nghị thành lập thông qua, trong đó nêu rõ:

a) Sự cần thiết thành lập quỹ tín dụng nhân dân;

b) Tên quỹ tín dụng nhân dân, địa bàn hoạt động, địa điểm dự kiến đặt trụ sở chính, thời hạn hoạt động, vốn điều lệ khi thành lập, nội dung hoạt động phù hợp với quy định tại Luật các tổ chức tín dụng và Thông tư này;

c) Cơ cấu tổ chức;

d) Quy định về quản lý rủi ro, trong đó nêu rõ các loại rủi ro có thể xảy ra trong quá trình hoạt động, phương thức và biện pháp phòng ngừa, kiểm soát các loại rủi ro này;

đ) Quy trình, chính sách cho vay đối với thành viên, người có tiền gửi tại quỹ tín dụng nhân dân, hộ nghèo trên địa bàn không phải là thành viên của quỹ tín dụng nhân dân;

e) Công nghệ thông tin: Dự kiến hệ thống công nghệ thông tin để quản lý hoạt động, khả năng áp dụng hệ thống công nghệ thông tin trong hoạt động ngân hàng và việc đầu tư cho hệ thống công nghệ thông tin;

g) Dự kiến hệ thống kiểm soát, kiểm toán nội bộ phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước;

h) Phương án kinh doanh dự kiến trong 03 (ba) năm đầu phù hợp với nội dung, phạm vi hoạt động, trong đó phân tích, thuyết minh tính hiệu quả và khả năng thực hiện phương án trong từng năm.

4. Danh sách nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm làm Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản trị, Trưởng ban và các thành viên khác của Ban kiểm soát, Giám đốc quỹ tín dụng nhân dân.